

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày: 05/ 01/ 2022

V/v “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2021 và 05/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là luật sư Ngô Quang Thế - Văn phòng luật sư Chính Nghĩa thuộc Đoàn luật sư, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1945.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Đ: Bà Trần Ngọc Anh, sinh năm 1963 (Theo giấy ủy quyền ngày 11/9/2020).

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Ngọc Q, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Ngọc Quyền: Luật sư Lê Phi Tùng là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: ấp 2, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1967;

3.3. Anh Võ Văn N, sinh năm 1994;

3.4. Chị Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1999;

3.5. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1974.

Tất cả cùng địa chỉ: khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đạt, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hậu, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự .

Địa chỉ: khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn và bị đơn của vụ án.

(Ông T, chị Ngọc Anh, chị Ngọc Quyền có mặt, UBND thành phố Hồng Ngự có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về nguồn gốc đất là của ông Sáu Trọng (đã chết) hiến đất này cho Nhà nước, Nhà nước xét cấp đất cho ông T vào năm 1984 với diện tích ngang 10m, dài 20m. Đến năm 1987, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 196 m², đến năm 2005 thì ông được cấp đổi giấy cũng trên diện tích trên, tại thửa 20, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp. Sau khi được cấp đất ông có cất nhà ở giáp ranh đất với bà Đ, đến năm 2017 do nhà xuống cấp nên ông đã tháo dỡ cất nhà lại sang một bên như hiện nay. Vào khoảng năm 1990 bà Võ Thị Đ có trồng bụi tre ngay ranh đất để làm ranh và lúc làm thì bà Đ có xin ông làm hàng rào để trồng rau ăn, ông thấy tình làng nghĩa xóm nên mới đồng ý để bà Đ làm hàng rào vì nghĩ nếu sau này ông cần thì hàng rào tre cũng dễ phá. Quá trình tre lớn lên nên đã lấn qua phần đất của ông, bà Đ lấy điếm tựa bụi tre để lấn qua phần đất của ông với diện tích là 2,5m sau hậu, phía mặt tiền là 0,3m, dài 20,1m, tổng diện tích 28,1m². Bà Đ cho rằng đất bà tự khai phá và lấy ranh là bụi tre nên không thống nhất trả phần đất lại cho ông. Nhà tắm của bà Trần Ngọc Quyền đã cất năm

2016 nhưng nhà tắm lúc đầu chỉ cất dựng bốn vách cây tạm để chứa nước và bơm mô tua nước, đã sửa lại vào khoảng năm 2020, khi cất thì ông T không có nói gì cũng như không tranh chấp gì đối với bà Quyền.

Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu bà Võ Thị Đ di dời toàn bộ bụi tre và vật kiến trúc có trên phần ranh đất đang tranh chấp để trả lại cho ông diện tích là 57,7m², tại một phần thửa 20, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại khóm Công Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Nhưng vào ngày 03/2/2021 ông T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Võ Thị Đ, bà Trần Ngọc Quyền di dời toàn bộ bụi tre và vật kiến trúc có trên phần ranh đất đang tranh chấp để trả lại cho ông diện tích là 21,5m², tại một phần thửa 20 (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T) và một phần thửa 17 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cùng tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại khóm Công Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, có một phần căn nhà tắm của hộ bà Trần Ngọc Quyền diện tích 1,38m².

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Đ là bà Trần Ngọc Anh trình bày:* Năm 1975 bà Võ Thị Đ là Việt Kiều Campuchia về ở phần đất hiện đang tranh chấp tại vị trí nền nhà mà ông Nguyễn Văn T đang cất hiện giờ. Đến năm 1982 bà Đ mới di dời nhà đến phía dưới phần đất hiện giờ nhà bà Đ đang ở. Còn vị trí nhà cũ cho lại ông Nguyễn Văn Phùng là cha của ông Nguyễn Văn T (là nhà hiện ông T đang ở). Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Võ Thị Đ phải di dời toàn bộ bụi tre và vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp để trả lại cho ông diện tích 21,5m² tại một phần thửa 20 (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T) và một phần thửa 17 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cùng tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại khóm Công Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thì bà Võ Thị Đ không đồng ý. Vì phần đất này của bà Đ khai hoang năm 1975 và gia đình bà Đ có cho ông Nguyễn Văn Phùng (Cha của ông T). Phần ranh đất của bà Võ Thị Đ với ông Nguyễn Văn T do bà Đ xác định là: Từ mí lộ chạy dài xuống mé sông gồm các mốc 13, mốc 12, mốc 11, mốc 16, mốc 17 theo sơ đồ đo đạc. Nhưng phần đất này gia đình bà Đ đã cho ông Phùng rồi (Phần đất có nhà ông T đang ở) nên bà Đ không có tranh chấp, không yêu cầu gì mà bà Đ chỉ trình bày cho Tòa án nắm. Bà Đ thống nhất sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Hồng Ngự đã cung cấp. Nay bà Đ thống nhất ranh đất giữa bà Đ với ông T là phần ranh thực tế hiện giờ bà Đ đang sử dụng là hàng rào cây theo mốc 6, mốc 7, mốc 8, mốc 9, mốc 10, mốc 19, mốc 18 theo sơ đồ đo đạc. Nên bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T cho đúng với diện tích thực tế đang sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc Quyền trình bày:* Nhà tắm của bà Quyền cất trên phần đất của mẹ bà là bà Võ Thị Đ cho và xây một lượt với nhà chính từ năm 1994 cho đến nay nên việc ông T trình bày bà cất

nhà tắm vào năm 2016 là không đúng. Từ khi cất nhà tắm tới giờ bà đã sửa chữa lại rất nhiều lần do cất bằng cây gỗ tạp. Khi cất lại vị trí và diện tích y như cũ không nói rộng ra thêm. Khi bà cất nhà tắm thì ông T không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì với bà. Do đó, việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu gia đình bà phải di dời căn nhà tắm để trả lại cho ông T diện tích 1,38m² thì bà Quyền không thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đang, anh Võ Văn Nu, chị Võ Thị Ngọc Phương thống nhất trình bày: Ông Đang, anh Nu, chị Phương thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Ngọc Quyền, không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Quý trình bày: Ông là con của bà Võ Thị Đ nên ông thống nhất toàn bộ theo lời trình bày của mẹ ông là Võ Thị Đ, ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T trình bày: Khi ông được cấp giấy đất thì có đo đạc thực tế, nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh cho việc này. Nhà nước cấp giấy cho ông ngang 10m thì ông sử dụng ngang 10m chứ không biết vị trí cấp đất cho ông là từ đâu tới đâu vì không có cắm trụ ranh rõ ràng. Việc ông cất cái nhà cũ thì có cái thông hành khoảng 08 tấc, có cây trụ đá cắm ngay mí đầu ngoài của thông hành nhưng hiện nay không còn điểm nào để xác định mí thông hành giáp với đất của bà Đ, vì gia đình bà Đ đã nhổ bỏ không còn nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh cho việc này; Đồng thời, khi bà Đ cắm cây làm hàng rào vào năm 2019 thì ông có báo chính quyền địa phương nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh cho việc này. Hiện nay các trụ cột nhà cũ của ông T nằm ngay vị trí hàng rào cây, nằm bên phía đất ông T chứ không lọt qua hàng rào cây, không lọt qua phần đất của bà Đ đang sử dụng.

- Tại phiên tòa, bà Trần Ngọc Anh trình bày: Mặc dù nhà cũ của ông T có thông hành, khi gia đình bà đi xuống sông thì phải chui dưới thông hành nhà ông T để đi nhưng việc ông T dựng cái thông hành là do ông T hỏi bên bà Đ để che ra, mí thông hành giáp qua mí ranh đất của bà Đ chứ không lọt qua phần đất của bà Đ, ông T dùng cây chòi xiêng từ cột nhà ra ngoài chứ đầu ngoài cái thông hành không có cắm cây trụ nào. Việc bà Đ cắm cây làm hàng rào là cắm bên phần đất của bà Đ và hàng rào đã tồn tại từ thời điểm bà Đ sử dụng đất từ năm 1975 cho đến nay. Nếu Tòa án giải quyết có phần cây tre nào lọt qua phần đất của ông T thì gia đình bà Đ tự nguyện đốn, chặt tre bỏ chứ không có yêu cầu gì. Việc ông Nguyễn Văn T được cấp giấy gia đình bà Đ không hay biết, không có ký giáp ranh nên bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết điều chỉnh diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Văn T theo đúng với diện tích đang sử dụng và bà Đ thống nhất hàng rào cây hiện tại là ranh đất giữa bà Đ với ông T.

- Tại phiên tòa bà Trần Ngọc Quyền trình bày: Nhà bà cất trên phần đất của bà Đ vào năm 1994 là ở phía bên trong gần sông, sau này được Hội Chũ thập đồ cho nhà nên mới cất tại vị trí xác lộ như hiện nay. Đối với bụi tre thì bà Đ trồng bên phần

đất của bà Đ, về ngọn tre có quật qua nhà của ông T. Nếu Tòa án giải quyết buộc bà phải di dời một phần nhà tắm thì bà không yêu cầu ông T hỗ trợ di dời. Bà cũng thống nhất ranh đất giữa bà Đ và ông T là ranh hàng rào cây hiện nay.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 04/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Võ Thị Đ, bà Trần Ngọc Quyền di dời toàn bộ bụi tre và vật kiến trúc có trên phần ranh đất đang tranh chấp để trả lại cho ông diện tích là 21,5m², tại một phần thửa 20 (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T) và một phần thửa 17 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cùng tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, có một phần căn nhà tắm của hộ bà Trần Ngọc Quyền diện tích 1,38m².

2. Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất. Hộ ông Nguyễn Văn T được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 15, 14, 13, 6. Hộ bà Võ Thị Đ, bà Trần Ngọc Quyền được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1, mốc 2, mốc 3, mốc 10, mốc 9, mốc 8, mốc 7, mốc 6, mốc 5, mốc 1 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự).

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và bà võ Thị Đ là đường thẳng nối từ các mốc 6, mốc 7, mốc 8, mốc 9, mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 57,5m² là phần đất thuộc mé sông Sở Thượng không có thửa đất trên bản đồ.

Các đương sự có quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T chịu tổng cộng chi phí tố tụng là 3.432.000đồng ông T đã tạm ứng trước và đã chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 15/6/2021, ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông. Buộc bà Võ Thị Đ phải trả lại cho ông diện tích lấn chiếm là 50cm phía tiếp giáp với sông Sở Thượng chiều ngang 2,05m x dài từ lộ xuống mé sông Sở Thượng là

20m, tại một phần thửa số 20, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại khóm Còng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp 21,5m² thuộc một phần thửa đất số 20 (được cấp giấy cho ông Nguyễn Văn T) và một phần thửa đất số 17 (chưa được cấp giấy đất, chưa có ai đứng tên trong sổ mục kê), cùng tờ bản đồ 15, tọa lạc tại khóm Còng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, có nguồn gốc trước đây là của ông Võ Thành Trọng (ông Sáu Trọng); ông Trọng hiến đất cho Nhà nước, sau đó Nhà nước xét cấp cho cha ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn Phùng vào năm 1984; ông Phùng chết để lại cho con là ông T; ông T được cấp giấy vào năm 1987, đến năm 2005 thì ông T được cấp đổi giấy đất với diện tích 196m² tại thửa 20, tờ bản đồ số 15, tại khóm Còng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Tuy nhiên, theo Công văn số 1517/UBND-HC ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố Hồng Ngự) xác định phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 20 (cấp cho ông T) và một phần thửa đất số 17 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có ai đứng tên trong sổ mục kê), cùng tờ bản đồ 15 và việc cấp giấy đất cho ông T là đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục, nhưng không có đo đạc thực tế. Do đó, có căn cứ để xác định việc ông T cho rằng phần đất của ông ngang 10m x dài 20m là không có cơ sở và diện tích đất đã cấp cho ông T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác.

Còn về quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất, thì vào năm 1984, phía ông T có cất một căn nhà năm căn, ông T cho rằng có trụ nóng đá và có thông hành giáp với phần đất của bà Đ, thì theo thẩm định cho thấy hiện nay trên phần đất tranh chấp vẫn còn 04 cây nóng đá của nhà cũ ông T nhưng chỉ nằm về phía đất của ông T đang sử dụng và giáp với hàng rào cây của bà Đ. Còn cái thông hành theo ông T trình bày thì hiện nay không còn; mặc dù phía bà Đ thừa nhận là nhà cũ ông T có thông hành nhưng là do ông T dùng cây chỏi xiêng ra từ cột nhà, chứ thông hành không có dùng chân cột trụ nào, tức là ông T làm thông hành

bằng cách lẩn ra trên không; ông T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh vị trí thông hành của ông so với hiện trạng hiện nay. Còn phần đất phía bà Võ Thị Đ đang sử dụng thì bà Đ có trồng một phần bụi tre cách nay hơn 20 năm và một phần căn nhà tắm của bà Trần Ngọc Quyền được cất từ năm 1994 đến nay; việc bà Đ trồng bụi tre, làm hàng rào và bà Quyền làm nhà tắm thì phía ông T đều vẫn biết nhưng không có ý kiến phản đối cũng như không có ngăn cản, tranh chấp.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định từ trước đến nay ông T chỉ sử dụng đất là đến vị trí hàng rào cây của bà Đ. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T với bà Võ Thị Đ đường thẳng nối qua các mốc 6, 7, 8, 9, 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T là 21,5m², lý do ông T kháng cáo là ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật nhưng nay diện tích đất không đủ 196m². Việc gia đình bà Đ trồng tre làm ranh từ năm 1975 là chưa phù hợp. Nay ông T yêu cầu bà Đ trả lại cho ông 21,5m². Xét lời đề nghị của luật sư là không có căn cứ như nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Ngọc Quyền là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do y án sơ thẩm nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 217, Điều 457, Điều 458, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2021/ DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Võ Thị Đ, bà Trần Ngọc Quyền di dời toàn bộ bụi tre và vật kiến trúc có trên phần ranh đất đang tranh chấp để trả lại cho ông diện tích là 21,5m², tại một phần thửa 20 (được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T) và một phần thửa 17 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cùng tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, có một phần căn nhà tắm của hộ bà Trần Ngọc Quyền diện tích 1,38m².

2. Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất. Hộ ông Nguyễn Văn T được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có vị trí trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 15, 14, 13, 6. Hộ bà Võ Thị Đ, bà Trần Ngọc Quyền được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1, mốc 2, mốc 3, mốc 10, mốc 9, mốc 8, mốc 7, mốc 6, mốc 5, mốc 1 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự).

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và bà võ Thị Đ là đường thẳng nối từ các mốc 6, mốc 7, mốc 8, mốc 9, mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự). Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 57,5m² là phần đất thuộc mé sông Sở Thượng không có thửa đất trên bản đồ.

Các đương sự có quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T chịu tổng cộng chi phí tố tụng là 3.432.000đồng ông T đã tạm ứng trước và đã chi xong.

* Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn theo quy định của pháp luật.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS thành phố Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy